

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HS-ST
Ngày 23-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Tạ Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2022/HSST-TL ngày 08 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/HSST-QĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Đỗ Xuân Đ, sinh ngày 25-5-1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 46/6A Trần Phú, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đỗ Xuân Phú và bà Đào Thị Nga; có vợ là Trịnh Thị Hải (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 25/02/2022 chèn tạm giam; có mặt.

Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Phạm Thị T, sinh 1983; chỗ ở hiện nay: Tổ 6, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. **Vắng mặt.**

Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn B. **Có mặt.**

2. Ông Đoàn Văn C. **Vắng mặt.**
3. Anh Nguyễn Hữu T. **Vắng mặt.**
4. Anh Phạm Mạnh C. **Vắng mặt.**
5. Anh Bùi Đức N. **Vắng mặt.**
6. Anh Lê Quang B. **Vắng mặt.**
7. Anh Trần Văn B. **Vắng mặt.**
8. Anh Trần Văn P. **Vắng mặt.**
9. Anh Đoàn Văn Q. **Vắng mặt.**
10. Ông Vũ Văn K. **Vắng mặt.**
11. Anh Bùi Văn H. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Khoảng tháng 4/2011, khi bán hàng nước ở khu vực ngã tư đường Trần Phú - Điện Biên Phủ, quận N, Hải Phòng, Đỗ Xuân Đ có quen với người tên N (không xác định được lý lịch, địa chỉ), N nói với Đ về việc có nguồn xe mô tô do vi phạm pháp luật bán với giá rẻ, nếu Đ tìm được người tiêu thụ, N sẽ cho Đ tiền tùy theo loại xe tiêu thụ được, Đ đồng ý. Sau đó Đ nói với Vũ Văn B (là em rể của Đ), trú tại phường H, quận Đ có nguồn xe mô tô phạm pháp bán với giá rẻ, nếu B bán được hoặc dẫn khách đến cho Đ bán thì Đ sẽ cho tiền, B đồng ý. B và Đ thống nhất cách thức: N cung cấp xe cho Đ rồi Đ cHển xe cho B trực tiếp tiêu thụ hoặc B dẫn khách đến cho Đ tiêu thụ. Trong thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 01/2012, N đã cung cấp cho Đ 20 chiếc xe mô tô, trong đó Đ trực tiếp tiêu thụ 02 xe; cHển cho B tiêu thụ 12 xe; B dẫn khách đến cho Đ tiêu thụ 06 xe. Cụ thể:

Khoảng tháng 6/2011, Đ trực tiếp bán cho chị Phạm Thị T, trú tại phường H, quận D 01 xe mô tô Honda Airblade màu đen, BKS: 15H1-021.25 với giá 27.000.000 đồng. Do có quan hệ họ hàng, nên Đ không hưởng lợi khi bán xe cho chị T. Kết quả điều tra xác định, xe mô tô trên là của anh Nguyễn Đình N, trú tại 263 X, quận Đ, Hà Nội. Trước đó anh N bị mất chiếc xe trên trước cửa nhà mình.

Khoảng tháng 12/2011, B có nhu cầu mua xe để đi lại, Đ bán cho B 01 xe mô tô Honda Airblade màu bạc - trắng - đen, BKS 15M1 - 106.66 với giá 23.000.000 đồng, Đ không hưởng lợi khi bán xe cho B. Kết quả điều tra xác định, chiếc xe trên là của anh

Phạm Văn T, trú tại phường V, quận K. Ngày 13/12/2011, anh T bị mất chiếc xe trên trước cửa nhà mình.

Khoảng tháng 10/2011, Đ cHên cho B bán 01 xe Honda Airblade màu bạc - trắng - đen, BKS 16P9 - 7443 với giá 33.000.000 đồng cho ông Đoàn Văn C, trú tại phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng). Kết quả điều tra xác định, xe mô tô trên là của chị Lê Thủy P, trú tại ngõ 52 Chùa Vẽ, quận Hải An, Hải Phòng. Chị P bị mất chiếc xe trên vào đêm ngày 12/10/2011 tại phường Đ Khê, quận N.

Khoảng tháng 11/2011, B giới thiệu anh Nguyễn Hữu T, trú tại phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn đến chỗ Đ mua 01 xe mô tô Honda SH màu đen BKS 15B1- 001.79 với giá 75.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 5.000.000 đồng). Kết quả điều tra xác định, chiếc xe trên là của anh Cung Tuấn Anh, trú tại phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tháng 10/2011, anh Tuấn Anh bị mất chiếc xe tại Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm.

Trong tháng 12/2011, Đ cHên cho B bán cho anh Phạm Mạnh C, trú tại phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn 02 xe mô tô: 01 xe Honda Airblade màu đỏ đen BKS 15B1-079.82 với giá 32.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 2.500.000 đồng); 01 xe mô tô Honda Airblade màu đỏ - đen, BKS: 15B1-005.86 với giá 24.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 2.700.000 đồng). Ngoài ra B giới thiệu anh C đến gặp Đ để mua 01 xe Honda SH, BKS 15B1-255.55, với giá 80.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.500.000 đồng). Kết quả điều tra xác định: Xe mô tô BKS: 15B1-079.82 là của anh Nguyễn Quốc Hùng, trú tại số 9/22 Chợ Con, phường Trại Cau, quận Lê Chân, anh Hùng bị mất chiếc xe trên vào ngày 19/12/2011 tại 321 Lý Thường Kiệt, quận Hồng Bàng; xe mô tô BKS 15B1- 005.86 là của anh Phạm Ngọc Hải, trú tại số 183 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, chiếc xe trên bị mất ngày 31/10/2011 ở trước cửa nhà; xe mô tô BKS: 15B1-255.55 là của chị Nguyễn Thị Thu Hương, trú tại phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ngày 22/08/2011, chị Hương bị mất chiếc xe trên ở phố Lê Quý Đôn, quận Hai Bà Trưng.

Trong tháng 11 và 12/2011, Đ cHên cho B bán cho anh Bùi Đức N, trú tại phường Tân Thành, quận D 05 xe mô tô: 01 xe loại Yamaha Jupiter màu xám bạc BKS 16R2-1169 với giá 16.500.000 đồng (Đ hưởng lợi 1.000.000 đồng); 01 xe Honda Airblade màu đen bạc BKS 15B1-111.68 với giá 29.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng); 01 xe loại Yamaha Jupiter màu đen BKS 16P4-7619 với giá 18.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 1.000.000 đồng); 01 xe Yamaha Jupiter màu trắng - đen BKS 16P2-5132 với giá 16.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 1.000.000 đồng); 01 xe Airblade màu đen - bạc BKS 16P3-5474 với giá 25.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng). Kết quả điều tra xác định: Xe 16R2-1169 là của bà Nguyễn Thị Vân, trú tại số 5/229 Hàng Kênh, quận Lê Chân, bị mất vào tháng 10/2011 khi để xe tại trước cửa nhà; xe 15B1-111.68 là của anh Nguyễn H P, trú tại phường Đằng Lâm, quận Hải An, bị mất ngày 12/10/2011 tại trước cửa nhà; xe BKS 16P4-7619, BKS 16P2-5132 và xe BKS 16P3-5474 hiện chưa xác định được chủ sở hữu.

Trong tháng 11 và 12/2011, Đ cHên cho B bán cho anh Lê Quang B, trú tại phường Đ Hải 2, quận Hải An 02 xe mô tô gồm: 01 xe Honda Airblade màu đen bạc BKS 15G1 - 038.12 với giá 29.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng); 01 xe Yamaha Jupiter màu xám bạc BKS 15B1-001.79 với giá 19.000.000 đồng, anh B trả trước 10.000.000 đồng, số còn lại trả nốt khi có đăng ký, sau đó không có đăng ký nên anh B trả lại xe và nhận lại tiền. Kết quả điều tra xác định, xe BKS 15G1 - 038.12 là của anh Đoàn Trung Dũng, trú tại thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B bị mất ngày 07/3/2011 tại cổng Trung tâm đào tạo lái xe thành phố Hòa B; xe BKS 15B1-001.79 là của anh Lê Văn Vinh, trú tại tổ 44 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân bị mất trộm tháng 10/2011 tại đường Thiên Lôi, quận Lê Chân.

Khoảng tháng 12/2011, Đ cHên cho B bán 01 xe Honda Airblade màu đen bạc BKS 15B1-108.79 cho anh Trần Văn B, trú tại phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn với giá 29.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng). Kết quả điều tra xác định, xe mô tô trên là của chị Phùng Thị Hằng, trú tại số 45/215 Lê Lai, quận N bị mất trộm ngày 22/11/2011.

Khoảng tháng 12/2011, Đ cHên cho B bán 01 xe Honda Airblade màu đen bạc, BKS 15B1-260.47 cho anh Trần Văn P, trú tại phường hợp Đức, quận Đồ Sơn với giá 27.500.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng). Kết quả điều tra xác định, xe mô tô trên là của anh Nguyễn Tiến Dũng, trú tại xã Hiến Thành, Hện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương bị mất trộm ngày 07/12/2011 tại phường Quang Trung, thành phố Hải Dương.

Khoảng tháng 9/2011, B giới thiệu anh Đoàn Văn Q, trú tại phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn đến mua của Đ 01 xe mô tô Yamaha Jupiter màu đen - bạc, BKS 16R6-8915 với giá 16.500.000 đồng (Đ hưởng lợi 1.000.000 đồng). Xe mô tô trên hiện chưa xác định được chủ sở hữu.

Khoảng tháng 12/2011, B giới thiệu anh Vũ Văn K, trú tại phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn đến mua của Đ 02 xe mô tô: 01 xe Honda Airblade màu đen - bạc BKS 16R5-4295 với giá 29.000.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng); 01 xe Honda Airblade màu đen - bạc BKS 15H1-108.88 với giá 26.500.000 đồng (Đ hưởng lợi 3.000.000 đồng). Kết quả điều tra xác định, xe mô tô 16R5 - 4295 là của chị Nguyễn Minh Ngọc, trú tại phường Liễu Giai, quận B Đình, Hà Nội. Chị Ngọc bị mất trộm xe này vào giữa tháng 7/2011 tại đường Xuân Diệu, quận Tây Hồ, Hà Nội; xe mô tô 15H1-108.88 là của anh Bùi Văn Tý, trú tại phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Anh Tý bị mất trộm chiếc xe này vào ngày 24/11/2011 tại đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tháng 01/2012, B giới thiệu anh Bùi Văn H, trú tại phường Tân Thành, quận D đến mua của Đ 01 xe mô tô Honda SH150i, BKS: 15B1-099.66 màu đen với giá 81.000.000 đồng. Anh H trả trước cho Đ 60.000.000 đồng và đưa chứng minh nhân dân cho Đ để làm thủ tục mua bán và cHên Q sở hữu. Đ đã giao cho N số tiền

60.000.000 đồng và được N cho 3.000.000 đồng. Xe mô tô này hiện chưa xác định được chủ sở hữu

Kết luận giám định số 117 ngày 29/5/2012 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Các biển kiểm soát xe mô tô 15B1-07982; 15B1-25555; 15B1-10879; 16P4-7619; 15B1-00586; 16R2-1169; 15H1-02125; 15B1-11168; 16P3-5474; 16R5-4295; 16P2-5132; 15H1-10888; 16R6-8915; 15G1-03812; 15B1-00179 ; 15H1-09966; 15B1-00179; 15M1-10666; 16P9-7443 là giả. Biển kiểm soát 15B1-26047 là thật.

Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 13/01/2012 và số 02 ngày 01/3/2012 kết luận: 20 chiếc xe mô tô do Đ và B tiêu thụ có trị giá 743.400.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D đã ra quyết định khởi tố vụ án số 04 ngày 13/01/2012, quyết định khởi tố bị can số 06 ngày 13/01/2012 đối với Vũ Văn B, số 25 ngày 25/3/2012 đối với Đỗ Xuân Đ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với Vũ Văn B đã bị Tòa án nhân dân quận D xét xử tại Bản án số 39/2012/HSST ngày 27/8/2012 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, buộc B phải bồi thường cho những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 385.300.000 đồng.

Đối với Đỗ Xuân Đ sau khi phạm tội đã bỏ trốn, ngày 18/02/2022 Đ đến Cơ quan Công an đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 06-6-2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố bị cáo Đỗ Xuân Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay được quy định tại khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 39/2012/HSST ngày 27/8/2012.

Đối với 05 xe mô tô gồm: 01 xe YAMAHA Jupiter mang BKS: 16R2 - 5132, có số khung RLCY5B9609Y092725, số máy 5B96090725; 01 xe HONDA SH150i mang BKS: 15B1-09966, số khung: RLHKF1109AY006393, số máy: KF08E*5006454*KTG E1; 01 xe YAMAHA Jupiter mang BKS: 16R6-8915 có số khung: RLCJ5B950AY068880, số máy: 5B95 - 068878; 01 xe HONDA Airblade mang BKS 16P3-5474, số khung: PLHJF180AY150986, số máy: JF27E0153892; 01 xe YAMAHA Jupiter mang BKS: 16P4-7619 có số khung: RLCJ5B950BY090507, số máy: 5B95090507, hiện chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Đối với 19 trên tổng số 20 chiếc xe mô tô đã tiêu thụ, đã được giải quyết tại Bản án số 39/2012/HSST ngày 27/8/2012, đến nay anh B có ý kiến tự giải quyết với Đ không yêu cầu cơ quan có thẩm Q giải quyết. Xe mô tô nhãn hiệu

Honda Airblade BKS 15H1-021.25 màu đen Đ trực tiếp bán cho chị T, chị T không yêu cầu Đ trả cho chị số tiền đã mua xe.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội N nội dung bản cáo trạng đã nêu trên.

Người làm chứng là anh Vũ Văn B trình bày vào khoảng đầu tháng 4 năm 2011, Đ có nói với anh có nguồn xe mô tô bất hợp pháp giá rẻ, nếu tìm được người mua thì sẽ cho anh tiền. Do đó, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 12 năm 2011 anh đã giới thiệu và trực tiếp bán xe do Đ cHển là 18 chiếc xe và mua của Đ 01 chiếc xe. Vì vậy năm 2012 anh đã bị Tòa án nhân dân quận D xử phạt tù và buộc bồi thường cho những người có Q lợi liên quan đến vụ án. Anh sẽ tự giải quyết với Đ về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại Bản án số 39/2012/HSST ngày 27/8/2012.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án tù từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Vật chứng và trách nhiệm dân sự đã được xử lý tại giai đoạn tố tụng trước nên không phải xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, phù hợp lời khai của Vũ Văn B, lời khai của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 01 năm 2012, Đỗ Xuân Đ nhận 20 chiếc xe mô tô gồm (02 xe Honda SH; 12 Honda Airblade; 06 xe Yamaha Jutiter) từ đối tượng tên N để trực tiếp tiêu thụ và cHển cho Vũ Văn B tiêu thụ mặc dù biết rõ những xe này đều do phạm tội mà có. Hành vi của bị cáo thỏa mãn cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. **Khi bị cáo phạm tội, Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật do đó Đ bị khởi tố theo khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình**

sự năm 1999 với khung hình phạt cao nhất đến 15 năm tù, tuy nhiên đến nay theo quy định của bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp thuộc khoản 3 Điều 323 có khung hình phạt nhẹ hơn. Do đó áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố bị cáo theo khoản 3 Điều 323 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điều 17 và điều 58 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo và B có sự bàn bạc về việc cùng nhau tiêu thụ xe máy, bị cáo Đ và B đã cùng thực hiện hành vi tiêu thụ các xe máy do đối tượng N cung cấp để kiếm lời. Bị cáo Đ là người nhận xe từ N chuyển cho B, thực hiện tiêu thụ 02 chiếc và chuyển xe cho B tiêu thụ; B tích cực chủ động tìm người mua và trực tiếp tiêu thụ 18/20 chiếc xe nên bị cáo Đ và B có vai trò ngang nhau. Đối với B đã bị xét xử về hành vi phạm tội tại Bản án số 39/2012/HSST ngày 27/8/2012 của Tòa án nhân dân quận D và đã thi hành án xong nên nay Hội đồng xét xử chỉ xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đỗ Xuân Đ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo có mẹ đẻ là bà Đào Thị Nga có công với cách mạng do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an chung nên phải xử lý nghiêm bằng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự song căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, giá trị tài sản phạm pháp cần buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian và phải có mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt N đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung song Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự của vụ án: Hội đồng xét xử thấy: Đối với những người đã mua xe mô tô là ông Đoàn Văn C, anh Nguyễn Hữu T, anh Phạm Mạnh C, anh Bùi Đức N, anh Lê Quang B, anh Trần Văn B, anh Trần Văn P, anh Đoàn Văn Q, ông Vũ Văn K, anh Bùi Văn H Q lợi đã được giải quyết bằng Bản án số 39/2012/HSST

ngày 27/8/2012 của Tòa án nhân dân quận D. Do đó trong vụ án này không phải là người có Q lợi nghĩa vụ liên quan mà chỉ tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Người làm chứng là anh B có ý kiến sẽ tự giải quyết đối với Đ về việc bồi thường cho những người được tuyên theo Bản án số 39/2012/HSST ngày 27/8/2012 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 15H1-021.25 màu đen Đ trực tiếp bán cho chị T, chị T không yêu cầu bị cáo trả cho chị số tiền đã mua xe nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng gồm: Đã được giải quyết tại Bản án số 39/2012/HSST ngày 27/8/2012. Đối với 05 xe mô tô gồm: 01 xe YAMAHA Jupiter mang BKS: 16R2 - 5132, có số khung RLCY5B9609Y092725, số máy 5B96090725; 01 xe HONDA SH150i mang BKS: 15B1-09966, số khung: RLHKF1109AY006393, số máy: KF08E*5006454*KTG E1; 01 xe YAMAHA Jupiter mang BKS: 16R6-8915 có số khung: RLCJ5B950AY068880, số máy: 5B95 - 068878; 01 xe HONDA Airblade mang BKS 16P3-5474, số khung: PLHJF180AY150986, số máy: JF27E0153892; 01 xe YAMAHA Jupiter mang BKS: 16P4-7619 có số khung: RLCJ5B950BY090507, số máy: 5B95090507, hiện chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Khi phạm tội, bị cáo được đối tượng N cho tổng số tiền là 44.700.000đ do tiêu thụ số xe mô tô nêu trên. Đây tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[12] Về Q kháng cáo: Bị cáo, người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2022.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 44.700.000 (B mươi B triệu bảy trăm nghìn) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về Q kháng cáo: Bị cáo được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo phần bản án có liên quan đến Q lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CQ CSĐT công an quận D;
- Cơ quan THAHS;
- Trại tạm giam;
- PV 06 và PC 10 CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan;
- **UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;**
- Tòa án TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung